TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2023/DS-PT
Ngày: 08/6/2023
V/v *" Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạt
Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 996/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

- Ông Huỳnh Minh E, sinh năm 1949; (có mặt).
- Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1939;
- Ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1943;

Cùng trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G uỷ quyền cho ông Huỳnh Minh E tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông E: Ông Mai Thành T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ: Bà Tràng Thị Thu H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt).

2/ Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1963 (có mặt).
- Bà Huỳnh Thị Đ1, sinh năm: 1956 (xin vắng mặt).
- Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm: 1989 (xin vắng mặt).
- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1992 (xin vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1997 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng L- Bà Luật sư Trần Thị Cẩm T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

** Người kháng cáo:*

- Ông Huỳnh Minh E, sinh năm 1949;
- Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1939;
- Ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1943;

Cùng trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2021 của nguyên đơn, trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Minh E ông Mai Thành T trình bày:*

Cha mẹ ông E là ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị K có 04 người con gồm: Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Văn G, Huỳnh Minh E và Huỳnh Thị Đ1. Trước khi qua đời, ngày 25/8/1997 cha mẹ ông E có lập tờ di chúc thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình đối với các di sản mà ông bà để lại cho 04 anh chị em, trong đó phần đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31 hiện do ông Nguyễn Hoàng L (con ông Q, bà Đ1) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tờ di chúc của cha mẹ ông thì phần đất mà bà Huỳnh Thị Đ1 được hưởng 7 công gồm: 05 công đất lúa tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre và 02 công đất lúa thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, phần diện tích đất còn lại 900,3m^2 giáp ranh với 02 công đất lúa mà cha mẹ ông E cho bà Đ là phần đất để làm thổ mộ cho cả dòng tộc họ H.

Tuy nhiên sau khi cha mẹ ông E chết, vợ chồng bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Q đã tự đi đăng ký kê khai và ngày 22/12/2015 Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, vợ chồng ông Q, bà Đ1 được quyền sử dụng toàn bộ phần đất lúa 2.000m^2 đất mà cha mẹ ông E cho trong tờ di chúc và 900,3m^2 đất giáp ranh dùng làm thổ mộ. Ngày 06/5/2019, hộ gia đình bà Đ1, ông Q tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 2.900,3m^2 sang cho con trai Nguyễn Hoàng L và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc ông Q bà Đ1 tự ý lấn chiếm 900,3m^2 đất thổ mộ và tự ý đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không cho ông vào quản lý sử dụng, không cho người trong thân tộc của họ H an táng là không đúng với tờ di chúc mà cha mẹ ông E để lại.

Do đó, ông E khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xét xử buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải di dời tôm trong ao, cỏ tạp trả lại cho ông E, bà Đ, ông G phần đất thổ mộ, di sản dùng vào việc thờ cúng diện tích 900,3m^2 (kết quả đo đạc thực tế là 825,9m^2) thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông không đồng ý hỗ trợ di dời tài sản trên phần đất tranh chấp.

Ông E đồng ý với kết quả đo đạc định giá

Ngoài ra ông T không trình bày gì thêm.

* Ông Huỳnh Minh E thống nhất với lời trình bày của ông Mai Thành T.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Đ là bà Tràng Thị Thu H trình bày: bà H thống nhất với lời trình bày của ông Mai Thành T: bà Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xét xử buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải di dời tôm trong ao, cỏ tạp trả lại cho ông E, bà Đ, ông G phần đất thổ mộ, di sản dùng vào việc thờ cúng diện tích 900,3m^2 (kết quả đo đạc thực tế là 825,9m^2) thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà không đồng ý hỗ trợ di dời tài sản trên phần đất tranh chấp.

Bà Đ đồng ý với kết quả đo đạc, định giá

Ngoài ra bà H không trình bày gì thêm.

Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng L là bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, vì đây là đất của cha mẹ ông canh tác, sau đó thì tặng cho ông tiếp tục canh tác,

trong quá trình canh tác sử dụng không xảy ra tranh chấp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp chứ không phải là đất thổ mộ.

Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Phần đất có diện tích 900,3m^2 (đo đạc thực tế là 825,9m^2) thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc cha mẹ vợ là ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị K cho vợ chông ông Q canh tác. Đến năm 1997 thì vợ chồng ông Q, bà Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre với diện tích là 2.900,3m^2. Trong quá trình quản lý sử dụng không có ai tranh chấp.

Vào năm 2019 trong quá trình xây mộ cho cha mẹ thì phía nguyên đơn tự ý cắm trụ đá để tách phần đất này ra làm thổ mộ nhưng ông Q không đồng ý. Lúc này ông Q và gia đình chỉ thống nhất tách 500m^2 để làm đất thổ mộ nhưng ông E không đồng ý và đi khởi kiện thì nay ông không đồng ý yêu cầu của ông E và các đồng nguyên đơn.

Ông Q đồng ý với kết quả đo đạc, định giá.

Ngoài ra ông Q không trình bày gì thêm.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS, Điều 175, 197, 199, 221, 688 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 197, 199, 221 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Minh E về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải di dời tôm trong ao, cỏ tạp trả lại cho các đồng nguyên đơn phần đất thổ mộ, di sản dùng vào việc thờ cúng diện tích 900,3m^2 (kết quả đo đạc thực tế là 825,9m^2) thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/11/2022 nguyên đơn ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Minh E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số số 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông E, bà G đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Minh E, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị G; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Minh E, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Văn G. Cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Minh E. Buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải di dời tôm trong ao, cỏ tạp trả lại cho các đồng nguyên đơn phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 825,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 825,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre từ anh Nguyễn Hoàng L sang cho bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Minh E, Huỳnh Thị Đ1 cùng đứng tên quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên toà, kết quả tranh luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất mà các bên tranh chấp, qua đo đạc thực tế có diện tích 825,9m^2, các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh Văn N và cụ Nguyễn Thị K. Khi còn sống cụ N và cụ K có phân chia đất cho các con như sau: ông E được 13 công, bà Đ được 09 công, ông G được 11 công, bà Đ1 được 07 công. Xét thấy: Tờ di chúc lập ngày 25/8/1997 của cụ Huỳnh Văn N và cụ Nguyễn Thị K do phía nguyên đơn cung cấp là bản photo, tuy nhiên bị đơn ông Q, bà Đ1 đều thừa nhận phần đất tranh chấp được cha mẹ là cụ N và cụ K cho bằng tờ di chúc. Đồng thời, bà Đ1 có ký tên vào tờ di chúc của cụ N, cụ K, nội dung của tờ di chúc thể hiện cụ N và cụ K đã phân chia đất cho các con và bà Đ1 được nhận 07 công đất. Lời trình bày của ông Q, bà Đ1 phù hợp với tờ di chúc mà nguyên đơn cung cấp nên Tờ di chúc này được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết và các đương sự không phải chứng minh.

[2] Toà án cấp sơ thẩm nhận định phần đất tranh chấp do ông Q, bà Đ1 sử dụng vào thời điểm năm 1986, đến năm 1996 ông Q, bà Đ1 đăng ký kê khai và được cấp đất vào năm 1997. Trong quá trình kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ khi quản lý sử dụng đất đến nay thì phía bị đơn sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Việc nhận định của Toà án cấp sơ thẩm là không có căn cứ, bởi lẽ: Ông Q đăng ký, kê khai để được cấp đất vào năm 1996, đến ngày 25/8/1997 cụ N, cụ K mới lập tờ di chúc để phân chia đất cho các con là sau thời điểm ông Q đăng ký kê khai phần đất này. Ngoài ra, khi làm thủ tục đăng ký kê khai thì ông Q không có chứng chứ thể hiện cụ N và cụ K đã đồng ý cho ông Q, bà Đ1 phần đất này. Do đó, không có cơ sở khẳng định ông cụ N, và cụ K đồng ý với việc ông Q đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Nội dung tờ di chúc thể hiện cụ N, cụ K cho bà Đ1 07 công đất, ở 02 vị trí khác nhau, trong đó phần 02 công của bà Đ1 giáp ranh đất của ông G và cách đất bà Đ bằng 01 khu mộ. Theo hoạ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày

03/6/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện: vị trí đất tranh nằm giữa thửa 133 của bà Đ và phần còn lại của thửa 154, phù hợp với sơ đồ được thể hiện trong tờ di chúc. Mặc dù, trong tờ di chúc không thể hiện rõ phần diện tích đất dành cho khu thổ mộ, tuy nhiên trong tờ di chúc cụ N và cụ K chỉ cho bà Đ1 2000m^2 đất. Sau khi đăng ký kê khai và được cấp đất, thì ông Q, bà Đ1 được cấp phần đất có diện tích là 2.900m^2 thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31 toạ lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Như vậy phần đất ông Q được cấp nhiều hơn 2000m^2 theo nội dung tờ di chúc của cụ N và cụ K, lập ngày 25/8/1997. Vì vậy phía bị đơn cho rằng cha mẹ đã cho bà Đ1 nguyên thửa 154, tờ bản đồ số 31 là không có căn cứ. Trong quá trình hoà giải, bị đơn ông Q, bà Đ1, anh L cũng đồng ý tách diện tích 500m^2 để làm khu thổ mộ, do đó việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tách phần diện tích qua đo đạc thực tế là 825,9m^2 là có căn cứ.

[4] Theo xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/5/2022 trên đất tranh chấp có 03 ngôi mộ xi măng dán gạch. Theo lời trình bày của nguyên đơn đây là 01 ngôi mộ của bà nội, 01 ngôi mộ của cụ N và 01 ngôi mộ của cụ K, đồng thời phần đất này là tài sản của cụ N và cụ K để lại, do đó công nhận phần đất có diện tích 825,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cho các nguyên đơn ông Huỳnh Văn E, bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G và bị đơn bà Huỳnh Thị Đ1 cùng đứng tên quyền sử dụng, dùng làm đất thổ mộ chung cho gia đình là phù hợp.

[5] Các nguyên đơn kháng cáo và đã đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông E, bà Đ tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng L tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo của ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G được chấp nhận nên ông E, bà Đ, ông G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 133/2022/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 197, 199, 221 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn Huỳnh Minh E, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị G đối với bị đơn Nguyễn Văn Q, Huỳnh Thị Đ1, Nguyễn Hoàng L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành L1, Nguyễn Thanh P Nguyễn Thị Hồng V.

2. Buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải di dời tôm trong ao, cỏ tạp trả lại cho các nguyên đơn phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 825,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ1 được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 825,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (phần ký hiệu (1) trên hoạ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 03/6/2022)

4. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 825,9 m^2 thuộc một phần thửa đất số 154, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre từ anh Nguyễn Hoàng L sang cho bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ1 cùng đứng tên quyền sử dụng.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất lập ngày 03/6/2022)

5. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ + đo đạc + định giá + thu thập quy trình): 8.768.000 đồng (tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L1, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P1, bà Nguyễn Thị Hồng V1 phải chịu. Do ông E đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải hoàn lại cho ông E số tiền 8.768.000 (tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

6. Về án phí:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị Đ1, ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Thành L1, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Hồng V phải liên đới nộp 300.000 đồng, tuy nhiên bà Đ1 là người cao tuổi nên bà Đ1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Minh E, bà Huỳnh Thị Đ, ông Huỳnh Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV và THA; VP
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Đạt